



## PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU

Arrivo 5 EC

SDS # : FO004309-A  
Ngày sửa đổi: 2019-02-12  
Format: AP  
Phiên bản 1

### Mục 1: LAI LỊCH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên Sản Phẩm Arrivo 5 EC  
(Các) Mã Sản Phẩm FO004309-A  
Mục Đích Sử Dụng Được Đề Nghị Thuốc trừ sâu.  
Hạn chế sử dụng Sử dụng theo khuyến cáo của nhãn.

**Nhà sản  
xuất**

FMC Corporation  
2929 Walnut Street,  
Philadelphia,  
Pennsylvania 19104  
USA  
General Information:  
Phone: (215) 299-6000  
E-Mail: msdsinfo@fmc.com

**Đơn Vị Nhập Khẩu**

CÔNG TY TNHH FMC VIỆT NAM  
Số 12, lô B, đường Thống Nhất,  
khu công nghiệp Sóng Thần 2,  
Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An,  
Tỉnh Bình Dương,  
Việt Nam

ĐT: (+84) 02835207622  
Fax: (+84) 02835207763

**Số điện thoại khẩn cấp**

Medical Emergencies:  
1 800 / 331-3148 (U.S.A. & Canada)  
1 651 / 632-6793 (All Other Countries - Collect)

For leak, fire, spill or accident emergencies, call:  
1 800 / 424-9300 (CHEMTREC - U.S.A.)  
1 703 / 741-5970 (CHEMTREC - International)  
1 703 / 527-3887 (CHEMTREC - Alternate)  
1 202 / 483-7616 (CHEMTREC - Alternate International)

### Mục 2: NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

**GHS Phân loại**

Độc tính hô hấp qua miệng	Cấp 1
Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	Cấp 2A
STOT - tiếp xúc một lần	Cấp 3
Độc tính đối với cơ quan mục tiêu cụ thể (tiếp xúc lặp lại)	Cấp 2
Độc tính cấp tính đối với môi trường nước	Cấp 1
Độc tính lâu dài cho môi trường nước	Cấp 1
Chất lỏng dễ cháy	Cấp 3
<b>Các Thành Phần Của Nhãn</b>	

**Từ Cảnh Báo****Nguy hiểm****Cảnh Báo Nguy Cơ**

H304 - có thể chết nếu nuốt phải hoặc hít phải  
 H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng  
 H335 - Có thể gây kích ứng đường hô hấp  
 H336 - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt  
 H373 - Có thể gây tổn thương cho các cơ quan khi bị tiếp xúc trong thời gian dài hoặc lặp lại  
 H410 - Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài  
 H226 - Hơi và chất lỏng dễ cháy

**Tiêu Ngữ Đề Phòng - Phòng Ngừa**

P261 - Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt  
 P264 - Rửa tay cẩn thận sau khi thao tác  
 P201 - Xin hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng  
 P202 - Không được thao tác khi chưa đọc và hiểu tất cả các biện pháp đề phòng an toàn  
 P280 - Sử dụng găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt  
 P271 - Chỉ dùng ngoài trời hoặc ở nơi thông khí tốt  
 P273 - Tránh phóng thích ra môi trường  
 P210 - Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng.- Không hút thuốc  
 P233 - Giữ dụng cụ đựng thật kín  
 P240 - Tiếp đất/nối điện cho dụng cụ đựng và thiết bị tiếp nhận  
 P242 - Chỉ sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa  
 P243 - Sử dụng các biện pháp đề phòng phóng tĩnh điện  
 P280 - Đeo kính mắt/kính che mặt bảo hộ

**Tiêu Ngữ Đề Phòng - Ứng Phó**

P301 + P310 - NẾU NUỐT PHẢI: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ  
 P331 - KHÔNG gây nôn  
 P305 + P351 + P338 - NẾU TIẾP XÚC VỚI MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và để thực hiện. Tiếp tục rửa  
 P337 + P313 - Nếu kích ứng mắt tồn tại dai dẳng: Tìm kiếm sự chăm tư vấn/ chăm sóc y tế  
 P308 + P313 - Nếu bị phơi nhiễm hoặc có bắn khoả: Tìm kiếm sự chăm tư vấn/ chăm sóc y tế  
 P304 + P340 - NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở  
 P304 + P340 - NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở  
 P312 - Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe  
 P391 - Thu gom lượng tràn đổ  
 P303 + P361 + P353 - NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Tháo bỏ/ Cởi bỏ tất cả quần áo bị nhiễm ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm  
 P370 + P378: Trong trường hợp hỏa hoạn, sử dụng bột hoặc carbon dioxide để tuyệt chủng.

**Tiêu Ngữ Đề Phòng - Bảo Quản**

P405 - Bảo quản khóa chặt  
 P403 + P233 - Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ kín dụng cụ đựng  
 P403 + P235 - Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ mát

**Tiêu Ngữ Đề Phòng - Thái Bỏ**

P501-Vứt bỏ nội dung / thùng chứa theo hướng dẫn trên nhãn

**Thông tin khác**  
 Chưa được biết.

### Mục 3: THÀNH PHẦN CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Tên hóa chất	Số CAS	Phần trăm trọng lượng
Cypermethrin	52315-07-8	5.8
Petroleum naphtha, light aromatic	64742-95-6	80-90
Calcium dodecylbenzene sulfonate	26264-06-2	1-5
Oxirane, methyl-, polymer with oxirane, monobutyl ester	9038-95-3	1-5

### Mục 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

<b>Hít phải</b>	Di chuyển ra nơi có không khí trong lành. Nếu khó thở hoặc khó chịu khi thở và vẫn tồn tại, hãy nhận được sự chăm sóc y tế.
<b>Tiếp xúc Với Da</b>	Rửa ngay lập tức bằng xà phòng và nhiều nước đồng thời cởi bỏ tất cả các quần áo và giày dép bị nhiễm. Tìm y tế chăm sóc nếu bị kích ứng mà không khỏi.
<b>Tiếp xúc Với Mắt</b>	Rửa mắt bằng nước trong ít nhất 15 phút. Nhận chăm sóc y tế nếu kích ứng mắt phát triển hoặc vẫn tồn tại.
<b>Ăn phải</b>	Ngay lập tức gọi cho trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ. Không được gây nôn trừ khi được một trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ yêu cầu làm như vậy. Đừng cho người này bất cứ giọt nước nào. Không cho bất cứ điều gì bằng miệng cho một người bất tỉnh.
<b>Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm xuất hiện</b>	Tác dụng hệ thần kinh trung ương.
<b>Bảo vệ người sơ cứu</b>	Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Xem Mục 8 để biết thêm chi tiết.
<b>Dấu hiệu cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần</b>	Sản phẩm này chứa các hydrocacbon thơm có thể tạo ra viêm phổi nặng nếu hít phải trong quá trình nôn. Điều trị bằng cách khác là kiểm soát việc loại bỏ tiếp xúc, sau đó là chăm sóc có triệu chứng và hỗ trợ.

### Mục 5: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

<b>Tính chất nổ</b>	Không gây nổ.
<b>Tính chất cháy</b>	Chất lỏng dễ cháy.
<b>Chất Chữa Cháy Phù Hợp</b>	Hóa chất khô, CO <sub>2</sub> , nước xịt hoặc bọt chịu alcol.
<b>Chất chữa cháy không phù hợp</b>	Tránh các luồng ống nặng.
<b>Hiểm họa Đặc Biệt Phát Sinh từ Hóa Chất</b>	Phân hủy nhiệt có thể dẫn đến giải phóng các khí và hơi khó chịu, oxit nitơ (NO <sub>x</sub> ), hydro xyanua và hydro clorua.
<b>Trang bị bảo hộ và biện pháp đề phòng cho nhân viên chữa cháy</b>	Cô lập khu vực cháy. Đánh giá upwind. Như trong bất kỳ đám cháy, thiết bị thở khép kín và thiết bị bảo vệ đầy đủ. Cô lập khu vực cháy.

### Mục 6: CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ BẤT NGỜ

<b>Các Biện Pháp Đề Phòng Cá Nhân</b>	Cô lập và sau khi tràn khu vực. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy. Sử dụng găng tay/trang phục và kính mắt/kính che mặt bảo hộ. Để bảo vệ cá nhân, xem phần 8.
<b>Khác</b>	Để biết thêm hướng dẫn dọn dẹp, hãy gọi Đường dây nóng khăn cấp FMC được liệt kê

trong Phần 1 "Xác định sản phẩm và công ty" ở trên.

<b>Các Biện Pháp Đề Phòng Cho Môi Trường</b>	Giữ cho người và động vật tránh xa và ngược dòng tràn / rò rỉ. Giữ vật liệu ra khỏi hồ, suối, ao và cống thoát nước. Tránh xa đường thủy.
<b>Các Phương Pháp Ngăn Chặn</b>	Đề ngăn chặn dòng chảy. Dùng đất, cát hoặc các vật liệu không cháy khác để thấm hút rồi chuyển vào thùng chứa để thải bỏ sau đó.
<b>Các phương pháp làm sạch</b>	Làm sạch và trung hòa khu vực tràn, dụng cụ và thiết bị bằng cách rửa bằng nước và xà phòng. Dùng đất, cát hoặc các vật liệu không cháy khác để thấm hút rồi chuyển vào thùng chứa để thải bỏ sau đó. Vứt bỏ chất thải như được chỉ ra trong Phần 13.

## Mục 7: THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

<b>Thao tác</b>	Không làm ô nhiễm các loại thuốc trừ sâu, phân bón, nước, thực phẩm hoặc thức ăn khác bằng cách cất giữ hoặc thải bỏ.
<b>Cất giữ</b>	Giữ dụng cụ đựng ở nơi khô, mát, thông khí tốt. Tránh xa ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và nguồn lửa. Để xa tầm với của trẻ em và động vật. Chỉ giữ/bảo quản trong dụng cụ đựng ban đầu.
<b>Vật liệu cần tránh</b>	Các chất oxy hóa mạnh, Các acid mạnh, Các kiềm mạnh.

## Mục 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

### Các Giới Hạn Tiếp Xúc

<b>Các biện pháp kỹ thuật</b>	Áp dụng các biện pháp kỹ thuật để đạt được các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp. Khi làm việc trong các không gian kín (xe tăng, thùng chứa, vv), đảm bảo rằng có một nguồn cung cấp không khí thích hợp để thở và đeo thiết bị được đề nghị.
-------------------------------	--

### Trang bị bảo hộ cá nhân

<b>Bảo Vệ Đường Hô Hấp</b>	Sản phẩm không tự động gây phiền toái khi tiếp xúc với không khí khi vận chuyển bình thường. Trong trường hợp xả vô tình vật liệu tạo ra hơi nặng hoặc sương mù, người lao động nên đặt thiết bị bảo hộ hô hấp chính thức được chấp thuận với một loại bộ lọc phổ quát bao gồm cả bộ lọc hạt.
<b>Bảo Vệ Tay</b>	Mang găng tay bảo hộ hóa học được làm bằng các vật liệu như nitrile hoặc cao su tổng hợp.
<b>Biện Pháp Bảo Vệ Mắt/Mặt</b>	Đối với bụi, giặt gụ, sương mù hoặc phun phổi, hãy mang kính bảo hộ hóa chất.
<b>Phương Tiện Bảo Vệ Da và Cơ Thể</b>	Giảm thiểu ô nhiễm da bằng cách làm theo các biện pháp vệ sinh công nghiệp tốt. Sử dụng trang phục bảo hộ thích hợp. Giày hoặc ủng bảo hộ.
<b>Các biện pháp vệ sinh</b>	Cần có nước sạch để rửa trong trường hợp bị ô nhiễm mắt hoặc da. Rửa da trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su hoặc sử dụng thuốc lá. Tắm vào cuối ngày làm việc. Cởi và rửa quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Launder quần áo làm việc riêng biệt với đồ dùng gia đình thông thường.

## Mục 9: CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

<b>Trạng Thái Vật Lý</b>	Chất lỏng
<b>Ngoại quan</b>	Trong suốt Vàng nhạt
<b>Mùi</b>	Không có thông tin
<b>Màu</b>	Vàng nhạt
<b>Ngưỡng phát hiện mùi</b>	Không có thông tin
<b>pH</b>	7.06 (5% solution, 342 ppm water)
<b>Điểm chảy/điểm đông</b>	Không áp dụng
<b>Điểm sôi / Phạm vi</b>	Không có thông tin
<b>Điểm chớp cháy</b>	55.5 °C

Tốc Độ Bay Hơi	Không có thông tin
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có thông tin
Giới Hạn Cháy trong Không Khí	
Giới hạn nồng độ cháy trên:	Không có thông tin
Giới hạn cháy dưới:	Không có thông tin
Áp suất hơi	Áp suất hơi thấp.
Tỷ trọng hơi	Không có thông tin
Khối lượng riêng	Không có thông tin
Độ tan trong nước	Nhũ hóa
(Các) độ hòa tan	Không có thông tin
Hệ số phân tách	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
Tính nhớt, động lực học	Không có thông tin
Tính nhớt, tính động	Không có thông tin
Tính chất nổ	Không gây nổ
Tỷ trọng	Không có thông tin
Khối Lượng Riêng Thể Xốp	Không có thông tin

## Mục 10: ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng hoạt động của hóa chất	Không có trong điều kiện sử dụng bình thường
Độ bền	Bền với điều kiện sử dụng theo hướng dẫn
Phản ứng nguy hại	Không có trong điều kiện xử lý bình thường.
Polyme hóa gây nguy hiểm	Phản ứng polyme hóa nguy hiểm không xảy ra.
Các điều kiện cần Tránh	Nhiệt, ngọn lửa và tia lửa.
Sản phẩm không tương thích	Các chất oxy hóa mạnh, Các acid mạnh, Các kiềm mạnh.
Các Sản Phẩm Phân Hủy Nguy Hại	Phân hủy nhiệt có thể dẫn đến phóng thích ra các khí và hơi kích ứng: Các Cacbon oxyt, Hydro xyanua, Chlorine, Hydrogen chloride.

## Mục 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

### Độc tính cấp tính

#### Các số đo độc tính - Thông Tin Về Sản Phẩm

LD50 đường miệng	> 5000 mg/kg (chuột) Ước tính
LD50 đường da	> 5000 mg/kg (chuột) Ước tính
LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp	Không có dữ liệu có sẵn cho công thức.
Ăn mòn/kích ứng da	Kích thích nhẹ (thỏ). (Dựa trên một sản phẩm tương tự).
Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	Kích thích vừa phải (thỏ). (Dựa trên một sản phẩm tương tự).
Nhạy	Chuột guinea pig: Không nhạy cảm. (dựa trên công thức tương tự).

#### Các tác dụng chậm xuất hiện và xuất hiện tức thời cũng như tác dụng trường diễn do tiếp xúc ngắn hạn và lâu dài

Khả năng gây đột biến	Cypermethrin: Không độc tính trong các nghiên cứu trong phòng thí nghiệm.
Khả năng gây ung thư	Cypermethrin gây ra sự gia tăng các khối u phổi lành tính ở chuột, nhưng không gây ra ở chuột. EPA đã phân loại cypermethrin như một chất gây ung thư có thể của con người dựa trên thông tin này, nhưng không điều chỉnh dựa trên nguy cơ ung thư thấp.
Độc tính sinh sản	Cypermethrin. Không có độc tính với sinh sản.
Độc tính tăng trưởng	Cypermethrin: Không gây quái thai trong các nghiên cứu trên động vật.
STOT - tiếp xúc một lần	Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt. Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
STOT - tiếp xúc nhiều lần	Có thể gây tổn thương cho các cơ quan khi bị tiếp xúc trong thời gian dài hoặc nhiều lần. Xem mục tiêu được liệt kê bên dưới.

**Độc tính trường diễn**

Cypermethrin. Tiếp xúc lâu dài gây độc thần kinh (run cơ, giảm hoạt động vận động), giảm trọng lượng cơ thể và tăng trọng lượng gan và lá lách.

**Tác dụng trên cơ quan mục tiêu  
Triệu chứng**

Hệ Thần Kinh Trung Ương (CNS).  
 Các dấu hiệu của độc tính trong động vật thí nghiệm bao gồm hypertonicity, ataxia, hôn mê, co giật, thở hỗn hển, tiết nước bọt, khó thở, và rụng tóc. Liều lượng lớn cypermethrin ăn vào bởi động vật thí nghiệm tạo ra các dấu hiệu của độc tính bao gồm mất kiểm soát động cơ, run, giảm hoạt động, tiểu không tự chủ, không liên quan, tăng nhạy cảm với âm thanh và co giật.

**Nguy cơ sắc phải**

Sản phẩm này trình bày một nguy cơ viêm phổi khát vọng.

## Mục 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

**Độc tính sinh thái**

Tác động môi trường của chất này chưa được nghiên cứu đầy đủ.

<b>Cypermethrin (52315-07-8)</b>				
Active Ingredient(s)	Duration	Loài	Giá trị	Đơn vị
	72 h EC50	Tảo	> 0.1	mg/l
	21 d NOEC	Giáp xác	0.04	µg/l
	21 d NOEC	Cá	0.03	µg/l
	96 h NOEC (Nồng độ cao nhất không quan sát thấy tác dụng)	Tảo	1.3	mg/l
	96 h LC50	Rainbow trout	0.92	µg/l
	48 h EC50	Daphnia magna	1.86	µg/l

**Độ bền vững và độ phân hủy**

Cypermethrin. Duy trì vừa phải. Không dễ dàng bị phân hủy sinh học. Không ngay lập tức thủy phân.

**Tích lũy sinh học**

Cypermethrin. Chất này có tiềm năng sinh học.

**Khả năng di chuyển**

Cypermethrin: bất động. Không được dự kiến sẽ tiếp cận với nước ngầm.

**Các Tác Dụng Có Hại Khác**

Không có thông tin.

## Mục 13: XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

**Các phương pháp tiêu hủy chất thải** Xử lý thuốc trừ sâu dư thừa, xịt hỗn hợp, hoặc rửa lại là bị cấm. Nếu những chất thải này không thể xử lý bằng cách sử dụng theo hướng dẫn nhãn, liên hệ cơ quan xử lý thích hợp để được hướng dẫn. Phải mang thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp, như được mô tả trong Phần 7 và 8, trong khi xử lý vật liệu để xử lý chất thải.

**Bao Bì Đã Bị Nhiễm**

Các thùng chứa phải được xử lý theo quy định của địa phương, tiểu bang và liên bang. Tham khảo nhãn sản phẩm để biết hướng dẫn xử lý.

## Mục 14: THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

**IMDG/IMO**

**Số UN/Mã Định Danh (ID)**

1268

**Tên Vận Chuyển Đường Biển**

1268 - Sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ, nếu không có chỉ định nào khác (Naphtha petroleum)

**Nhóm hiểm họa**

3

Nhóm Đóng Gói III  
 EmS No. F-E, S-E  
 Chất Ô Nhiễm Biển Petroleum Naphtha

**ICAO/IATA**

Số UN/Mã Định Danh (ID) 1268  
 Tên Vận Chuyển Đường Biển 1268 - Sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ, nếu không có chỉ định nào khác (Naphtha petroleum)  
 Nhóm hiểm họa 3  
 Nhóm Đóng Gói III  
 Chất Ô Nhiễm Biển Petroleum Naphtha

## Mục 15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH

**Các Danh Mục Quốc Tế**

Thực phẩm, phụ gia thực phẩm, ma túy, mỹ phẩm hoặc thiết bị khi sản xuất, chế biến hoặc phân phối trong thực phẩm để sử dụng, phụ gia thực phẩm, thuốc, mỹ phẩm hoặc thiết bị có thể không phải tuân thủ các yêu cầu thông báo của địa phương. Kiểm tra các quy định địa phương để biết thêm thông tin.

Tên hóa chất	Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc - TSCA (Hoa Kỳ)	Danh Mục Hóa Chất Nội Địa - DSL (Canada)	EINECS/ELINCS (Europe)	Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới - ENCS (Nhật)	Trung Quốc (IECSC)	KECL (Korea)	Danh Mục Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philipin - PICCS (Philippin)	Danh Mục Hóa Chất - AICS (Úc)
Cypermethrin 52315-07-8			X		X	X	X	X
Petroleum naphtha, light aromatic 64742-95-6	X	X	X		X	X	X	X
Oxirane, methyl-, polymer with oxirane, monobutyl ester 9038-95-3	X	X		X	X	X	X	X

**TSCA** - Danh Mục của Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc Hoa Kỳ Mục 8(b)

**DSL/NDL** - Danh Mục Hóa Chất Nội Địa/Danh Mục Hóa Chất Phi Nội Địa của Canada

**EINECS/ELINCS** - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Châu Âu/Danh Mục Hóa Chất Đã Được Thông Báo của Châu Âu

**ENCS** - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới của Nhật Bản

**IECSC** - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Trung Quốc

**KECL** - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Đã Đánh Giá của Hàn Quốc

**PICCS** - Danh Mục Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philipin

**AICS** - Danh Mục Hóa Chất của Úc

## Mục 16: THÔNG TIN KHÁC

**Soạn Thảo Bởi**

FMC Corporation

FMC Logo - Trademark of FMC Corporation

© 2019 FMC Corporation. All Rights Reserved.

**Ngày sửa đổi:**

2019-02-12

**Chú thích về sửa đổi**

Phóng Thích Lần Đầu.

**Tuyên bố miễn trách**

FMC Corporation tin rằng thông tin và tư vấn chứa các ứng dụng (bao gồm cả dữ liệu và báo cáo) là chính xác kể từ ngày này. Không BẢO ĐẢM PHÙ HỢP CHO MỌI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, BẢO ĐẢM ĐẢM BẢO HOẶC BẤT K OTHER BẢO ĐẢM KHÁC, NỘI BẬT HOẶC ĐƯỢC THỰC HIỆN, ĐƯỢC THỰC HIỆN LIÊN QUAN Hơn nữa, vì các điều kiện và phương pháp sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của FMC, CUNG CẤP Ở đây. Thông tin này chỉ được đặt cho sản phẩm được chỉ định và có thể không áp dụng được khi sản phẩm đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào. Tổng công ty, công ty FMC từ chối bất kỳ và tất cả trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ kết quả nào thu được hoặc phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ sản phẩm nào hoặc dựa vào thông tin đó.

**Kết thúc Bản Thông Tin An Toàn**